

BẢN THÊM VỀ ĐỐI CHIẾU CÂU TIẾNG ANH VÀ CÂU TIẾNG VIỆT

Trần Hữu Mạnh ^(*)

1. Mở đầu

Như ta đã biết, mục đích cơ bản của việc phân tích đối chiếu giữa hai ngôn ngữ là: Trên cơ sở các ngữ liệu được thực tế sử dụng trong hai ngôn ngữ - ngôn ngữ đích (trong trường hợp này là tiếng Anh) và tiếng mẹ đẻ (trong trường hợp này là tiếng Việt) xem xét trong tổng thể diễn đạt tương đương của cùng một hiện tượng, các nhà ngôn ngữ học cần rút ra những nét tương đồng (similarities) và những dị biệt (differences) để làm cơ sở cho việc phân tích những chuyển di tích cực của tiếng mẹ

đẻ (tiếng Việt) sang tiếng nước ngoài (tiếng Anh) trên cơ sở những nét tương đồng và những chuyển di tiêu cực của tiếng mẹ đẻ sang tiếng nước ngoài (trên cơ sở những dị biệt). Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi xin tập trung vào phân phân tích mang tính chất lý thuyết ngôn ngữ là chủ yếu và cơ sở ngôn ngữ học của những chuyển di tích cực và tiêu cực đã nêu.

Về những nét khái quát có tính chất tổng quan về tiếng Anh và tiếng Việt có thể thấy:

Bảng 1 : Khái quát đối chiếu Anh-Việt:

Tiếng Anh	Tiếng Việt
<ul style="list-style-type: none"> • Thuộc hệ ngôn ngữ Ấn-Âu ngành Giéc-manh. • Là một ngôn ngữ mang tính chất phân tích cao, có pha trộn với các đặc điểm của ngôn ngữ tổng hợp (không nhiều) và chấp dính (phổ biến hơn) • Sử dụng các phạm trù ngữ pháp đặc trưng cho ngôn ngữ Ấn Âu, tí như: số và cách của danh từ, thời thể dạng thức của động từ, trong đó rất nhiều trường hợp sử dụng các trợ từ. • Sử dụng nhiều phương thức ngữ pháp trật tự từ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thuộc hệ ngôn ngữ Á - Úc ngành Môn-Khmer. • Là ngôn ngữ đơn lập – tiếng một – hoàn toàn mang tính phân tích – (không có biểu hiện của tổng hợp hay chấp dính). • Không tồn tại các phạm trù ngữ pháp nhưng có các cách diễn đạt tương đương các phạm trù ngữ pháp bằng cách sử dụng các dấu hiệu tương đương với các phụ từ. • Phương thức ngữ pháp trật tự từ là một phương tiện phổ biến trong ngôn ngữ đơn lập này.

Sau đây chúng ta sẽ tập trung phân tích đối chiếu hai ngôn ngữ Anh – Việt trên bình diện CÂU ĐƠN.

^{*}PGS. TS., Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Anh - Mỹ, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

2. Về các mẫu câu cơ bản

2.1. Những nét tương đồng (Similarities)

Ta có thể thấy bảy mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh có bảy kiểu câu tương đương trong tiếng Việt

Bảng 2: Các kiểu câu tương đương Anh-Việt

Tiếng Anh	Tiếng Việt
• Kiểu 1: S + V	Chủ ngữ + Động từ
The bird sang The sun is shining The plane has taken off	Con chim hát Mặt trời đang chiếu sáng Máy bay đã cất cánh
• Kiểu 2: S + V + O	Chủ ngữ + Động từ + Tân ngữ
The lecture interested me They gave off smoking We depend on your help	Bài giảng cuốn hút tôi Họ bỏ (hút) thuốc Chúng tôi trông cậy vào sự giúp đỡ của bác
• Kiểu 3: S + V + C	Chủ ngữ + Động từ + Bổ ngữ
Your dinner seems ready They will become teachers She got tired	Bữa chiều của anh hình như sẵn sàng rồi Họ sẽ trở thành giáo viên Nàng (bị (?)) mệt
• Kiểu 4: S + V + A	Chủ ngữ + Động từ + Trạng ngữ
My office is in the next building They were here last night We got off/on the bus	Phòng làm việc của tôi ở trong toà nhà bên cạnh Họ ở đây đêm qua Chúng tôi (tréo) xuống/lên xe buýt
• Kiểu 5: S + V + Oi + Od	Chủ ngữ + Động từ + Tân ngữ 1 + Tân ngữ 2
I must send my parents a card She gave me a book They informed him of the news	Tôi phải gửi cho bố mẹ tôi một bưu ảnh Nàng cho tôi một cuốn sách Họ (thông) báo cho anh ta cái tin đó
• Kiểu 6: S + V + O + C	Chủ ngữ + Động từ + Tân ngữ + Bổ ngữ
Most students have found her reasonably helpful They left the house empty They regarded him as their godfather	Đa số sinh viên đã thấy bà giáo hỗ trợ rất hợp lý. Họ bỏ lại ngôi nhà trống rỗng Họ coi ông ta như (là) cha đỡ đầu
• Kiểu 7: S + V + O + A	Chủ ngữ + Động từ + Tân ngữ + Trạng ngữ
You can put the dish on the shelf They took him up the stairs	Bạn có thể để cái đĩa lên cái giá đó Họ đưa hắn lên gác

2.1.1. Nhận xét thêm về những nét giống nhau

Sự phân chia thành các thành tố của câu (sentence elements) tồn tại một cách phổ quát cho mọi ngôn ngữ - dù đó là ngôn ngữ tổng hợp tính hay ngôn ngữ phân tích tính và kể cả ngôn ngữ đơn lập. Câu trong mọi ngôn ngữ đều có thể chia thành S (chủ ngữ), V (động từ), O (tân ngữ), C (bổ ngữ), A (trạng ngữ).

Bảy kiểu câu trên đây là bảy kiểu câu cốt lõi - chỉ ít đây là những nét giống nhau

đặc trưng cho tiếng Anh và tiếng Việt (và có lẽ cũng là chung cho nhiều ngôn ngữ khác). Tuy nhiên nếu đi phân tích sâu hơn có thể còn có một vài khác biệt chi tiết hơn (xem phần Dị biệt 1.2 dưới đây).

Việc phân chia thành các thành tố và các mẫu câu dựa rất nhiều vào thành tố quyết định của câu: Động từ trong cả hai ngôn ngữ Anh và Việt. Ta có thể có 5 nhóm động từ phân theo các bộ tố của chúng trong cả hai ngôn ngữ trong bảng dưới đây (Bảng 1.3)

2.1.2. Bảng 3. Phân loại động từ tương đương Anh - Việt

Tiếng Anh	Tiếng Việt
• Nhóm 1 : Động từ nội hướng	
1.a. Động từ đơn come, go, sing, live, work, walk	đến, đi, hát, sống, làm việc*, đi bộ (động từ kép)
1.b. Động từ kết hợp (hai thành tố) (động từ kép) come in, go out, take off, give in	đi vào, đi ra, cất cánh, nhượng bộ
• Nhóm 2 : Động từ ngoại hướng đơn	
2.a. Động từ đơn: answer, buy, get, do, make, take	đáp/trả lời, mua, nhận làm, tạo (ra)*, cảm/lấy
2.b. Động từ kép: * Hai thành tố: give up, take of, depend on, think of * Ba thành tố: cut down on, do away with	từ bỏ, cởi ra (/bỏ), dựa vào, nghĩ về giảm bớt*, cắt bớt (đi), tiêu diệt (tận gốc)
• Nhóm 3 : Động từ kết nối (hệ từ)	
3.a. Động từ đương đại (current intensive verbs) Be, appear, look, feel, smell, sound	Là, thì, xem ra, nom, cảm thấy*, có mùi*, nghe ra*
3.b. Động từ kết quả (resulting intensive) Become, come, go, get, turn	Trở thành, trở nên, phát, biến thành, đâm (ra)
• Nhóm 4 : Động từ ngoại hướng kép	
4.a. Động từ 'đơn' - một từ (one-word) give, send, get, bring, buy	(đưa) cho, gửi, lấy, đem (cho), mua (cho)
4.b. Động từ đi với giới từ (prepositional ditransitive) inform of, supply with, pay attention to, put an end to, take care of	Thông báo (cho), cung cấp cho, chú ý đến, đặt dấu chấm hết cho, chăm sóc*
• Nhóm 5 : Động từ ngoại hướng phức	
5.a. Với kiểu câu SVOC call, consider, elect, paint, leave, make, look upon as, see, hear	Gọi là*, coi như là*, bầu làm*, sơn, bỏ lại, làm cho, xem/coi như là, nhìn thấy, nghe thấy
5.b. Với kiểu câu SVOA put, place, hang, stand	đặt, để, treo, dựng (dựng)

* Những trường hợp có dấu (*) chỉ có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ và sẽ được phân tích sâu hơn ở phần sau.

2.2. Những dị biệt chính:

2.2.1. Về kiểu cấu trúc câu:

Trước hết về phương diện cấu trúc câu tiêu biểu, trong tiếng Việt ta có hai kiểu câu có thể coi là tương ứng với SVC trong tiếng Anh nhưng có đặc trưng của tiếng Việt (cùng giống tiếng Trung Quốc):

Kiểu 3b: Anh ta (là) người Thanh Hoá đấy!

(S + (N) + C)

(He-person Thanh Hoa → He's from Thanh Hoa)

Động từ (là) ở đây là thành tố không cần thiết

Kiểu 3c: Hôm nay trời đẹp lắm!

(S + Predicate = Adj)

(Today heaven beautiful quite → Today it is very nice)

Thần phụ ông lại tài hoa hơn

(His father even talented more → His father was even more talented)

Động từ (là) ở đây là thành tố không cần thiết

Trong các câu trên đây, tính từ làm chức năng Vị ngữ, chứ không phải động từ như các kiểu câu khác và kiểu câu tiếng Anh tương đương.

Thêm nữa, tương đương với kiểu câu SVOC trong tiếng Anh ngoài trường hợp câu tương đương như đã kể trên đây, còn có câu tiếng Việt dạng :

Kiểu 6b: Chúng tôi bầu ông ấy làm chủ tịch ba khoá liền

(We elect him be chairman three terms of office continual)

→ We elected him our chairman for three running terms of office.

Ở đây, ta thấy sau động từ 'bầu' có tân ngữ là một cú (tương đương cấu trúc O + C

trong tiếng Anh) ông ấy làm chủ tịch ba khoá liền' (= he works as chairman for three running terms of office). Cú này có thể làm một câu độc lập được, và do vậy câu này có thể coi là một câu phức trong tiếng Việt.

Như vậy, theo một số nhà Việt ngữ học như Nguyễn Tài Căn, và N.Stankievich, trong tiếng Việt có thể có chín (hay mười) mẫu câu chủ không phải chỉ có bảy mẫu câu tiêu biểu như trong tiếng Anh.

2.2.2. Về các động từ tương đương:

Trong nhiều trường hợp, động từ đơn tiếng Anh tương đương với động từ kép trong tiếng Việt.

Ví dụ :

Nhóm 1: work = làm việc; walk = đi bộ;
answer = trả lời

Nhóm 2: make = tạo ra

Nhóm 3: become = trở thành, trở nên;
get = biến thành;

appear = xem ra; feel = cảm thấy

Nhóm 5: see = nhìn thấy; hear = cảm thấy

Đôi khi trong tiếng Anh ta có động từ được kết hợp bởi ba thành tố thì động từ tiếng Việt tương ứng chỉ có hai thành tố :

Ví dụ :

Nhóm 2: cut down on = giảm bớt;

do away with = tiêu diệt

Nhóm 4: take care of = chăm sóc

Đồng thời, có những trường hợp, động từ đơn tiếng Anh tương đương với một nhóm kết hợp động từ + giới từ hay động từ phụ trong tiếng Việt :

Ví dụ :

Nhóm 5: call = gọi là,

consider = coi như là;

elect = bầu làm

Do vậy, với các câu tiếng Anh:

Let's call a spade a spade (5a)

We consider him our brother (5b)

Ta có các nghĩa tiếng Việt tương đương:

Chúng ta hãy (cứ) gọi cái xẻng (là) cái xẻng (5a)
(~ hãy nói toạc móng heo)

Chúng tôi coi anh ta như anh trai vậy! (5b')

Trong câu 5a' nếu để nguyên cú SVC "cái xẻng là cái xẻng" thì rõ ràng rất ngô nghê không chấp nhận, nhưng cú đó đặt trong toàn câu thì nghĩa rất ổn. Do vậy có thể coi là ở đây là trường hợp một động từ liên kết (intensive verb) với vai trò động từ/ thực từ bị mờ nhạt dần và nó rất giống với hư từ 'như' (trong câu 5b'). Do vậy có thể coi 'gọi là', 'coi như' là trường hợp động từ tương liên (correlative verbs) gồm động từ + phụ từ – phần nào khác với tiếng Anh. Đây chính là lý do tại sao người Việt Nam học tiếng Anh trong giai đoạn đầu hay mắc lỗi thừa 'động từ' kiểu:

* We should call him be/to be a doctor.
(Chúng ta nên gọi anh là bác sĩ)

* She considered me be/like her brother. (Nàng coi tôi như anh trai)

3. Về các đặc điểm cú pháp và ngữ nghĩa của các thành tố S, O, C và A

3.1. Các đặc điểm cú pháp của bốn thành tố này

Xét trên bình diện cú pháp và xem xét các kiểu cấu trúc câu dùng trong ngôn ngữ văn hoá (trong khẩu ngữ và đặc biệt bút ngữ-educated speech & writing) có thể thấy:

3.1.1. Những nét giống nhau cơ bản

- (a). S, O, C trong tiếng Anh và và (Chủ ngữ, Tân ngữ, Bổ ngữ) trong tiếng Việt đều có thể được diễn tả bằng danh ngữ (noun phrases) hay cú danh tính (nominal clauses).

- (b). C trong tiếng Anh và (Bổ ngữ) trong tiếng Việt còn được diễn đạt bằng một tính ngữ (adjectival phrase) hay một cú tính ngữ (adjectival clause).

- (c). A trong tiếng Anh và (Trạng ngữ trong tiếng Việt) thường được diễn đạt bằng một giới ngữ (prepositional phrase) hay một cú trạng ngữ (adverbial clause).

- (d). Vị trí thông thường của các thành tố của câu trong cả hai ngôn ngữ là giống nhau.

Những vấn đề cơ bản này đã được đề cập đến trong rất nhiều công trình đối chiếu Anh - Việt trong các luận văn thạc sỹ và đặc biệt các luận án tiến sỹ đã được bảo vệ trong hai ba thập kỷ gần đây (cf. Trần Hữu Mạnh (1978), Thái Duy Bảo (1989), Vũ Ngọc Tú (1996), Nguyễn Thượng Hùng (1994), Nguyễn Hòa (1999), Võ Đại Quang (2000), v.v...)

3.1.2. Những nét khác nhau cơ bản

(A) Trước hết phải nói đến những nét khác nhau (hay dị biệt) về cấu trúc các đơn vị cú pháp:

Danh ngữ (noun phrases)

Cú danh tính (nominal clauses)

Tính ngữ (adjectival phrases)

Cú tính ngữ (adjectival clauses)

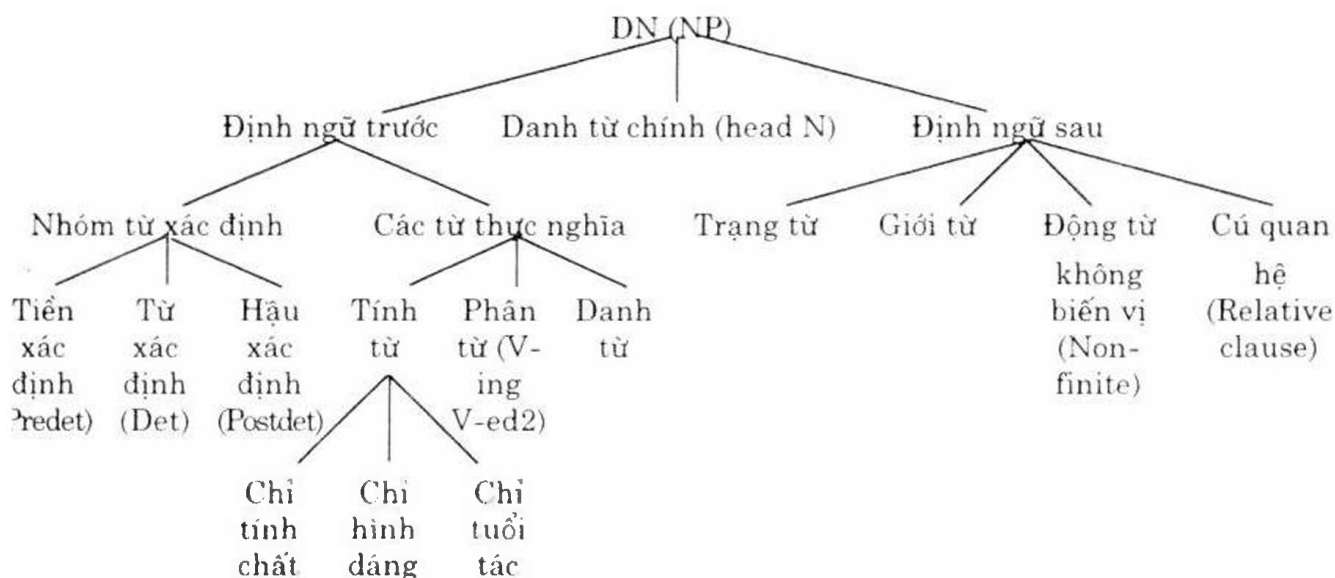
Trạng ngữ và cú trạng ngữ (adverbial phrases and clauses)

(B) Nếu so sánh hai danh ngữ lý tưởng (ideal phrases) trong tiếng Anh và tiếng Việt (trên cơ sở các quan điểm của R. Quirk et al (1972-1985), Nguyễn Tài Căn (1976-1999), Diệp Quang Ban (1983-199), Cao Xuân Hạo (1991 - 2000) ta có thể thấy sự khác biệt thông qua số lượng và vị trí của các định ngữ đứng trước (premodifiers) và định ngữ đứng sau (postmodifiers) cũng như việc tính đến yếu tố trung tâm (head

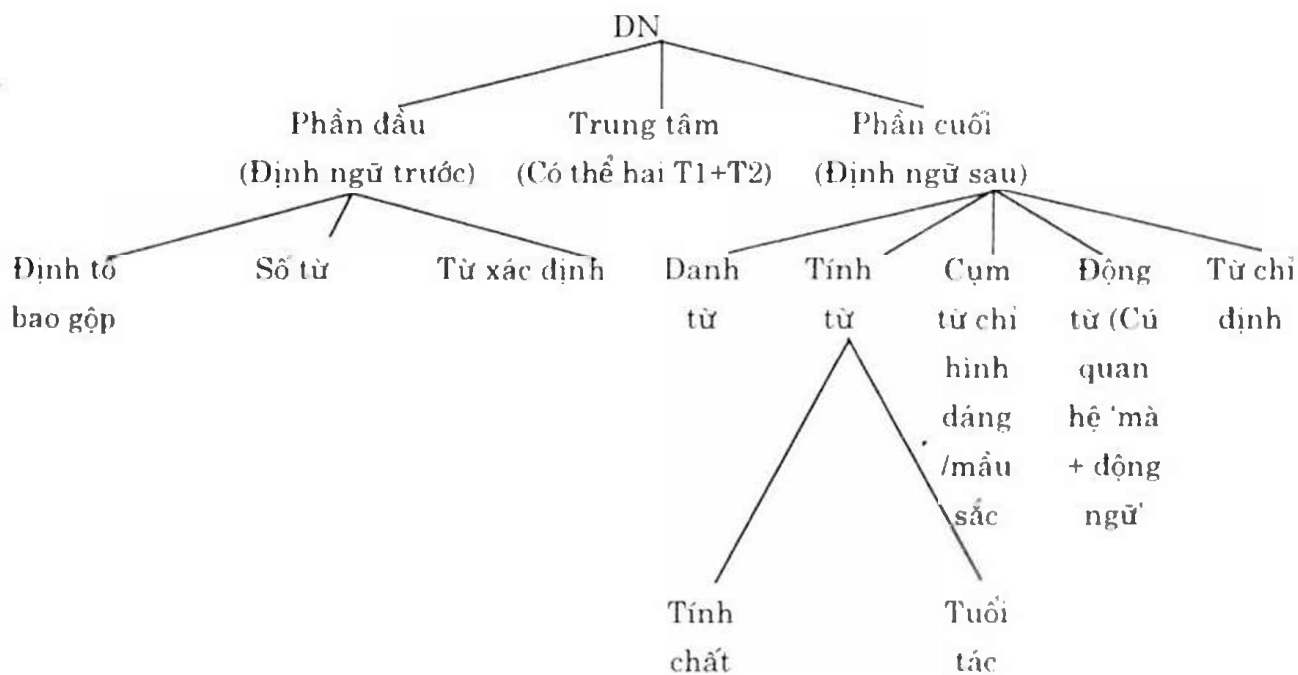
noun) mà theo Nguyễn Tài Căn (1999) thì trong danh ngữ tiếng Việt thường có hai trung tâm (Head 1 và Head 2) trong khi tiếng Anh chỉ có một danh từ chính (head noun).

Từ sự phân tích tóm tắt trong bảng đối chiếu trên đây ta có thể thấy được hai sơ đồ khác nhau của :

Danh ngữ tiếng Anh :



Danh ngữ tiếng Việt:



Cú danh ngữ (cú danh tính) tiếng Anh và tiếng Việt.

(C) Trong tiếng Anh, cú danh ngữ có thể bao gồm :

- | | |
|---|---|
| Cú biến vị
(Finite Nominal clause) | Cú không biến vị
(Non-Finite Nominal clause) |
| - That clause (cú với that) | - To infinitive (động từ nguyên dạng có To) |
| - Wh-interrogative clause (cú nghi vấn với từ để hỏi) | - Ing participle (phân từ - ing) |
| - Yes/No interrogative clause (cú nghi vấn có/không) | - Ed participle (phân từ - ed) |
| - Nominal relative clause (cú quan hệ danh tính) | |

Những cú danh ngữ này đều có thể có các ngữ tương đương trong tiếng Việt và do vậy ta có bảng so sánh sau đây:

Tiếng Anh	Tiếng Việt
A. Cú biến vị (làm tân ngữ trong câu)	
[1] I know that he's a student (Ođ)	Tôi biết rằng nó là một sinh viên
[2] Tell me who he is (Ođ)	Hãy nói /cho tôi biết/ nó là ai /giùm tôi/
[3] He didn't say whether he would come or not	Ông không nói là liệu ông có đến hay không
[4] They gave whoever went there a book.(Ođ)	Họ đưa cho bất kỳ ai đến đây một cuốn sách
B. Cú không biến vị (làm chủ ngữ trong câu)	
[5] To help him in my task	Giúp anh ta là nhiệm vụ của tôi
[6] It's no use crying over the spilt milk	Khóc than về sự việc đã rồi thì có ích gì đâu (Khóc than thì sự đã rồi)

Còn nhiều điều lý thú khác nữa nếu so sánh danh ngữ và cú danh ngữ tiếng Anh và tiếng Việt một cách đầy đủ hơn. Nhưng trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin dừng lại ở đây.

(D) Một khác biệt nổi bật và cũng rất điển hình giữa tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn lập và tiếng Anh - một ngôn ngữ có tính phân tích cao thuộc ngữ hệ Ấn-Âu- là ở

chỗ: Trong tiếng Việt tính ngữ (kể cả các cú tính ngữ) có thể đóng vai trò vị ngữ trong câu, và thực tế về mặt hình thái không thể phân biệt đâu là tính ngữ đâu là trạng ngữ. Do vậy trong tiếng Việt, ta không thể phân biệt các trường hợp tương ứng với tiếng Anh sau đây nếu chỉ xem xét hình thái của từ :

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Con cá này nhanh lắm vị ngữ (tính từ)	This fish is very quick. (động từ + bổ ngữ)=vị ngữ
Con cá này bơi nhanh lắm (Trạng ngữ)	This fish swims very quickly/fast. (Adv)
Nhanh chân lên chứ. Đã muộn lắm rồi. (Động từ - câu mệnh lệnh)	Quicken yours steps. It's very late now. Be faster

Chỉ với ba ví dụ này ta đã thấy một (tính) từ nhanh trong tiếng Việt đã có thể tương ứng với 'quick' - tính từ tiếng Anh hay 'quickly' - trạng từ tiếng Anh, và cả 'quicken' - một động từ phái sinh từ tính từ. Đây có thể là một khó khăn cho người nói tiếng Anh học tiếng Việt - một trường hợp lạ mà người bản ngữ tiếng Anh thấy rất khó chấp nhận về mặt logic.

Một ví dụ nữa khá điển hình của tiếng Việt là câu "Cô ta vừa nhanh trí vừa nhanh tay nhanh chân lại nhanh mồm nhanh miệng nữa", mà có thể dịch sang tiếng Anh: "She is both quick-minded and very fast in her physical and aural responses".

Rõ ràng trong câu tiếng Anh không diễn tả được sự lặp lại của từ "nhanh" (= quick/fast) như trong tiếng Việt được. Chắc chắn đây sẽ là một điều lý thú đối với người nước ngoài học tiếng Việt.

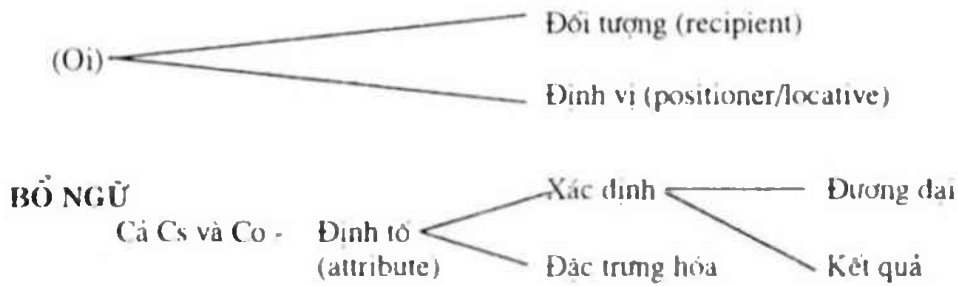
Xem các sơ đồ sau:



3.2. Vấn đề vai nghĩa của các thành tố của câu

3.2.1. Xét về mặt ý nghĩa của các thành tố của câu, trước hết phải thấy rằng yếu tố trung tâm của ngữ nghĩa của câu là động từ (V). Theo quan điểm hiện đại của ngữ pháp chức năng (Halliday M.A.K- 1985), động từ thường được dùng để thể hiện các tiến trình (process) bao gồm tiến trình vật chất (mental process), tiến trình quan hệ (relational process), tiến trình phát ngôn (verbal process), tiến trình hành xử (behavioural process) và tiến trình tồn tại (existential process). Chính các tiến trình này, khi được sử dụng trong các tình huống cụ thể thường chi phối sự có mặt của các tham tố (participant) được thể hiện bằng các thành tố S, O, C của câu và chu cảnh (circumstance) - được thể hiện bằng thành tố A.

3.2.2. Nhìn chung có thể thấy xét về mặt ngữ nghĩa, không có sự khác biệt rõ nét trong hai ngôn ngữ Anh và Việt khi phân tích các vai nghĩa của các thành tố của câu:



3.2.3. Nét khác biệt dễ nhận thấy khi so sánh đôi chiếu tiếng Anh và tiếng Việt chính là ở chức năng cú pháp của tính từ: Trong tiếng Anh ở vai trò C (cả Cs và Co), tính từ thường mang vai nghĩa Định tố đặc

Nàng đẹp

Predicate

(Vị ngữ)

Các sinh viên này rất sáng tạo

3.3. Sự tương hợp giữa các thành tố của câu

3.3.1. Nhận xét chung

Như đã nói ở trên, tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập còn tiếng Anh là một ngôn ngữ phân tích tính cao, nên sự khác nhau cơ bản giữa hai ngôn ngữ này là trong tiếng Anh (một ngôn ngữ Ấn - Âu) có cả hình thức thể hiện các phạm trù ngữ pháp: với danh từ có các phạm trù số, cách (và giống), với động từ có các phạm trù thời, thể, dạng, thức ngôi và số được đánh dấu bởi các nét biến hình (inflections) của từ hoặc sử dụng đuôi từ (endings). Do vậy người Việt Nam học tiếng Anh có thể thấy nhiều rắc rối (khó khăn) khi phải sử dụng đến 5 hình thái cơ bản của động từ thực nghĩa (lexical verbs): V, V-s, V-ed1, V-ing và V-ed2 với những quy tắc biến hình không chỉ với các động từ quy tắc (regular verbs) mà còn nhiều mâu thuẫn về với các động từ bất quy tắc (irregular verbs),

trung hóa đương đại hay kết quả. Tương ứng với thành tố này trong khá nhiều trường hợp (Định tố đương đại) tiếng Việt được biểu đạt bằng thành tố Vị ngữ (tính từ làm Vị ngữ)

~ She's beautiful

Cs

(Bổ ngữ - Định tố đương đại)

~ These students are very creative

những quy tắc hoàn toàn xa lạ với tiếng mẹ đẻ của họ (cho dù là nếu so với các ngôn ngữ Ấn - Âu khác, những quy tắc biến hình của động từ tiếng Anh và các từ loại khác còn phần nào đơn giản hơn). Đó là chưa kể đến những ứng dụng khác nhau của các hình thái này vào việc thể hiện các phạm trù thời, thể, dạng, thức trong các trường hợp cụ thể. Đây là những khó khăn mà người học Việt Nam phải đối phó.

3.3.2. Như vậy, khác biệt lớn nhất giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong địa hạt này là ở chỗ: Trong tiếng Việt chỉ có một hình thái của động từ sử dụng trong mọi trường hợp không có sự phân biệt về thời thể, còn trong tiếng Anh có cả một loạt các quy tắc về sự tương hợp Chủ ngữ - Động từ tập hợp theo ba loại (ngoài các quy tắc sử dụng thời, thể, dạng và thức):

Tương hợp về mặt Ngữ pháp: 4 quy tắc

Tương hợp về ý nghĩa: 3 trường hợp với một loạt các quy tắc cụ thể

Tương hợp gần kề (kề cận): 4 quy tắc nhỏ

Tổng cộng, có đến hơn một chục quy tắc cần nhớ. Sự đa dạng phức tạp của những quy tắc này với những cách dùng tinh tế trong khẩu ngữ và bút ngữ mang các sắc thái văn phong khác nhau là điều mà người học phải nắm được để sử dụng đúng lúc, đúng chỗ.

3.3.3 Bên cạnh đó, những quy tắc về sự tương hợp về danh từ và đại từ (nominal concord) giữa các thành tố khác của câu: Chủ ngữ và Bổ ngữ (S và Cs); Tân ngữ và Bổ ngữ (Od và Co); Chủ ngữ và Tân ngữ (S và Od trong trường hợp đại từ phản thân) là những điều mà người Việt Nam học tiếng Anh cũng phải lưu tâm bởi lẽ trong tiếng Việt cũng không hề có những điều tương tự.

4. Phân loại câu theo mục đích phát ngôn

4.1. Những nét chung

Theo các nhà ngữ pháp truyền thống, khi phân loại câu theo mục đích giao tiếp, các loại câu trong tiếng Anh và cả tiếng Việt dù có cấu trúc là câu đơn, câu ghép hay câu phức được tập hợp trong bốn nhóm:

4.2. Phân loại câu theo hành động ngôn ngữ

Các loại câu =	Phân loại nhỏ hơn	Tiếng Việt	Tiếng Anh
Câu trần thuật	a. Chính danh	Nam là học sinh (1) Tôi xin lỗi (2)	Nam is a student I apologize
	b. Ngón hành (+ Câu khiến)	Tôi hứa sẽ cho anh một cái bánh (3) Tôi yêu cầu các bạn hãy im lặng	I promise to give you a cake I demand that you all keep silent
Câu nghi vấn	c. Chính danh	Ai đấy? Nó ở đâu? (5)	Who's that? Where's he?
	d. Câu khiến	Có im đi không (6)	Why don't you keep silent?
	e. Cảm thán	Sao lại rắc rối thế? (7)	Why is it so complicated?

- a. Câu trần thuật: sử dụng thông dụng nhất để thông báo, miêu tả sự việc
- b. Câu nghi vấn: sử dụng để hỏi hay biểu lộ sự nghi ngại về một vấn đề gì
- c. Câu mệnh lệnh: dùng để truyền đạt mệnh lệnh, yêu cầu người nghe/ đọc thực hiện một hành động nào đó.
- d. Câu cảm thán để biểu lộ một cảm giác, cảm xúc nào đó trước một hiện tượng thiên nhiên, một sự tình hay ứng xử nào đó của một người nào đó.

Trong các cuốn sách mới đây nhất của họ, R.Huddleston(1984-1995) và Cao Xuân Hạo (1991-2000) đều nhất trí phân loại bốn loại câu này theo hành động ngôn ngữ trung/ lực ngôn ngữ. Cũng theo R.Huddleston, đây cũng là bốn loại thức đặc trưng cho động từ tiếng Anh: thức trần thuật (trình bày), thức nghi vấn, thức mệnh lệnh/(câu khiến) và thức cảm thán (Huddleston (1995), pp. 350-376). Tuy nhiên khái niệm của họ phần nào rộng hơn so với ngữ pháp truyền thống.

Chúng ta sẽ đối chiếu các kiểu câu này trong hai ngôn ngữ.

Câu câu khiên	f. Điển hình (chính danh)	Đứng dậy đi (8a)	Stand up, please!
	g. (+ trần thuật)	Đừng sợ (8b)	Don't be afraid.
	h. nghi vấn	Đề nghị mọi người hãy kiên nhẫn hơn (9)	I beg you to be more patient
Câu cảm thán	i. Điển hình	Sao không chú ý lắng nghe (10) (cf. d.6)	Why don't you listen more attentively?
		Thật là hú vía (11a)	How terrifying it is!
	j. Trần thuật	Giỏi quá (11b)	Excellent!
		k. Nghi vấn	Thế là xong rồi (12)
		Sao mà ngốc thế? (13) (cf. e.7)	Why are you so stupid?

Qua bảng so sánh, ta thấy trong cả hai ngôn ngữ xét theo hành động ngôn trung, việc phân loại câu thành những tiểu loại như trên là không mấy khác nhau. Nét khác nhau là cấu trúc các kiểu câu đó, đặc biệt vị trí các thành tố của câu, nhất là các kết cấu với các trợ động từ trong tiếng Anh và các kết cấu tương đương trong tiếng Việt. Và những nét phân tích sâu hơn chương I (phần V) cho thấy có những khác biệt chi tiết hơn giữa hai ngôn ngữ.

5. Tiểu kết

Phân tích đối chiếu tiếng Anh và tiếng Việt ở cấp độ câu ta có thể thấy có những tương đồng và dị biệt dưới đây.

5.1. Những nét tương đồng chủ yếu

Việc phân chia các thành tố của câu thành S, V, O, C và A.

Cả hai ngôn ngữ đều có số lượng mẫu câu cơ bản nhất định. Bảy mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh bảy mẫu hoàn toàn tương ứng trong tiếng Việt – là bảy kiểu sắp xếp có thể có được trong ngôn ngữ này của các thành tố của câu.

Cách thức thể hiện các thành tố của câu cũng có nhiều nét giống nhau: S, O, C có thể được diễn đạt bằng danh ngữ hay

mệnh đề danh ngữ; A có thể được thể hiện bằng trạng từ hay giới ngữ; v.v

Các vai nghĩa của các thành tố của câu cũng giống nhau ở nhiều điểm.

Động từ thực nghĩa trong hai ngôn ngữ đều là yếu tố quyết định các cấu trúc cơ bản có thể có được của câu và có thể phân loại theo năm nhóm: nội động từ, động từ quan hệ, động từ ngoại hướng đơn, ngoại hướng kép và ngoại hướng phức.

Cách thể hiện phủ định bằng các từ phủ định NOT và KHÔNG có nhiều nét tương đồng.

Cách phân chia câu theo mục đích phát ngôn (hay hành động ngôn trung) là giống nhau.

5.2. Những khác nhau cơ bản

Trong tiếng Việt ngoài bảy mẫu câu cơ bản kể trên, còn có ba cấu trúc câu đặc trưng nữa: S + Adj (làm vị ngữ); S + (V+) C (nhận biết); S + V + O + làm + Co.

Về cách diễn đạt/ thể hiện các thành tố của câu, điểm khác nhau thể hiện ở cách cấu trúc danh ngữ, tính ngữ, trạng ngữ, cú danh ngữ, cú tính ngữ và cú trạng ngữ, cũng như sự phân biệt giữa các loại cú biến vị (finite clause) và cú không biến vị (non-

inite clauses) trong tiếng Anh, trong khi tiếng Việt chỉ có cú động ngữ.

Về ngữ nghĩa – cụ thể hơn các vai nghĩa của các thành tố của câu – có sự khác biệt trong vai nghĩa của C trong tiếng Anh: vai nghĩa định tính, trong khi ở tiếng Việt vai nghĩa này được thể hiện bằng Vị ngữ (kiểu câu S + Adj (= Predicate)).

Một khác biệt cơ bản nữa là sự tương hợp giữa các thành tố của câu. Trong tiếng Anh, một ngôn ngữ phân tích tính cao (có sự tham gia của biến hình và chấp định) những quy tắc về sự tương hợp Chủ ngữ và Động từ làm vị ngữ rất đa dạng và phong phú (và cũng rất rối rắm đối với người Việt Nam học tiếng Anh)

Khi xem xét câu phủ định tiếng Anh và tiếng Việt, ta có thể thấy sự khác nhau trong vị trí của từ phủ định NOT và KHÔNG, sự đa dạng hơn của phương tiện phủ định trong tiếng Việt, và những vấn

đề về phạm vi phủ định và trọng tâm phủ định.

Về việc phân loại câu theo mục đích phát ngôn, có thể thấy sự khác biệt trong việc câu tạo - đặc biệt về trật tự từ - của các loại câu hỏi: câu hỏi yes/no (+ câu hỏi có đuôi để hỏi), câu hỏi dùng từ để hỏi; của các câu khuyến lệnh và mệnh lệnh; và câu cảm thán.

Trong việc sử dụng các câu rút gọn và tỉnh lược, đặc biệt các phát ngôn láy, các câu khuyết thiếu và ngôn ngữ quảng cáo, ta có thể thấy sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ về phương tiện biểu hiện và hình thái của từ.

Những điểm khác nhau này sẽ dễ dàng dẫn đến các lỗi mà người Việt Nam học tiếng Anh thường mắc. Do vậy họ phải chú ý cảnh giác hơn đến những điểm này khi sử dụng câu tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Delahunty G.P and Garvey J.J., *Language, Grammar and Communication*, McGrawhill, Inc. New York, 1994.
2. Ganshina M., *English Grammar*, Moscow, 1963.
3. Gleason H.A., *Linguistics and English Grammar*, New York, 1966.
4. Halliday M.A.K., *Introduction to Functional Grammar*, Arnold, Sydney, 1985
5. Ilyish B.A., *The Structure of Modern English*, Leningrad, 1966
6. Huddleston R., *An Introduction to the Grammar of English*, OUP, 1985.
7. Jacobs R.A., *English Syntax - A Grammar for English Language Professionals*, OUP, 1995
8. Kaushanskaya D et al., *A Grammar of the English Language*, Leningrad, 1965
9. Trần Hữu Mạnh, *The Teaching of English Grammar to Speakers of Vietnamese*, Luận án Phó Tiến sỹ, Bucarest, Rumani, 1978.
10. Palmer F., *Grammar*, CUP, 1976
11. Quirk R et al., *A Grammar of Contemporary English*, OUP, 1973
12. Quirk R et al., *A Comprehensive Grammar of the English Language*, OUP, 1985
13. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996

14. Thái Duy Bảo, *Phân tích Đôi chiều Nghi thức lời nói Anh – Việt*, Luận án Phó Tiến sỹ, 1989
15. Nguyễn Tài Căn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1996
16. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1986
17. Nguyễn Văn Độ, *Các phương tiện ngôn ngữ biểu hiện hành động thành câu trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án Tiến sỹ, 1999
18. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt : Sơ khảo ngữ pháp chức năng*, Quyển 1, NXB Khoa học xã hội, 1991
19. Cao Xuân Hạo và nnk, *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt*, Quyển 1, Câu trong tiếng Việt, NXB Giáo dục, 2000
20. Nguyễn Hòa, *Phân tích Diễn ngôn Tin và Bình luận Chính trị tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án Tiến sỹ, 1999
21. Trần Văn Phước, *Phân tích đôi chiều Câu phủ định tiếng Anh và tiếng Việt trên bình diện Cấu trúc - Ngữ nghĩa*, Luận án Tiến sỹ, 2000
22. Võ Đại Quang, *Sơ sánh đôi chiều câu hỏi chính danh tiếng Anh và tiếng Việt trên bình diện ngữ nghĩa - ngữ dụng*, Luận án Tiến sỹ, 2000
23. Nguyễn Đăng Sửu, *Câu hỏi tiếng Anh trong sự đối chiếu với tiếng Việt*, Luận án Tiến sỹ, 2002
24. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần Câu tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 1999
25. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội Hà Nội, 2000

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T. XIX, No.2, 2003

MORE ON CONTRASTIVE ANALYSIS OF THE ENGLISH AND THE VIETNAMESE SENTENCE

Assoc. Prof. Dr. Tran Huu Manh

*Department of English-American Language and Culture
College of Foreign Languages- VNU*

Making contrastive analysis of the English language, an analytical Indo-European language of the Germanic branch and the Vietnamese language, an isolating Austro-Asiatic language of the Mon-Khmer branch, this article reveals points of similarities between the two languages at the level of sentence as follows :

- in the basic sentence/ clause structure (seven types)
- in the syntactic features of clause elements, especially in terms of their expression and their position
- in the semantic roles of the clause/ sentence element

And, also, certain basic differences can be seen here in the fundamental areas of:

- the structuring of noun phrases, verb phrases, adjective phrases and prepositional phrases as sentence elements
- the concord between Subject and Verb in English and zero concord between these two in Vietnamese
- the formation of questions, commands and requests, in accordance with different linguistic and cultural features of the two languages
- the use of block language

These should be taken into serious consideration when designing syllabus of teaching English to speakers of Vietnamese. And the combination/ integration of Quirk's and Halliday's approaches may be considered as the best linguistic solution to the problem.